



CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ
QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh.

Công ty : Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế.

Mã chứng khoán : GSP.

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP.HCM.

Điện thoại : 028 222 05388, Fax: 028 222 05367.

Người CBTT : Ông Lê Anh Nam.

Địa chỉ : Tầng 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,
Quận 1, TP.HCM.

Điện thoại : 028 222 05388.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết HĐQT số 73/NQ-VTSPK-HĐQT ngày 02/01/2020 về việc thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020.

Đồng thời Nghị quyết HĐQT trên cũng đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào **ngày 03/01/2020** tại đường dẫn <http://www.gasshipping.com.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin-du-lieu-1>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TCKT(1b).

Đính kèm:

- Nghị quyết HĐQT;
- P101 – KHSXKD 2020.



Lê Anh Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Green Power,
35 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh.
Mã số DN: 0305390530

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Tp. HCM, ngày 02 tháng 01 năm 2020

Số: 73 /NQ-VTSPK-HĐQT

**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 10/04/2019;
- Căn cứ Quy chế quản lý tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế;
- Căn cứ Quy chế làm việc của HĐQT và phân cấp thẩm quyền cho Giám đốc Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 06/QĐ-VTSPK-HĐQT ngày 27/3/2014;
- Theo đề nghị của Giám đốc Công ty tại Tờ trình số 58/TTr-VTSPK ngày 24/12/2019 về việc phê duyệt kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020 của Gas Shipping;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT số: 72 /BB-VTSPK-HĐQT ngày 31/12/2019 của HĐQT Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế như nội dung tại Phụ lục 01 đính kèm.

Điều 2: Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ và các chỉ tiêu Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2020, tuân thủ Pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế quản lý của Công ty.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu VT, TK.HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Thế Toàn

Phu lục 01

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ
(Kèm theo Nghị quyết số: 7.2.../NQ-VTSPK-HĐQT ngày 02.../01/2020)

I. Nhiệm vụ năm 2020:

- Khai thác hiệu quả và an toàn đội tàu LPG. Phối hợp chặt chẽ với Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt giữ vững thị phần vận tải LPG nội địa. Chủ động đẩy mạnh hoạt động vận tải ra thị trường quốc tế.
- Thực hiện vai trò đầu mối huy động phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ để điều hành vận chuyển sản phẩm LPG của Nhà máy GPP Cà Mau.
- Duy trì và phát triển kinh doanh các loại hình dịch vụ khác đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn, kiểm soát chặt chẽ công nợ.
- Thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ và đầu tư đúng quy định của pháp luật và Công ty, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Nâng cao công tác quản lý, quản trị, đặc biệt nâng cao chất lượng công tác quản lý an toàn, quản lý kỹ thuật đội tàu. Thực hành tiết kiệm, quản lý và kiểm soát chặt chẽ chi phí nhiên liệu, chi phí quản lý kỹ thuật, hao hụt hàng hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Duy trì được giấy chứng nhận của các chủ hàng lớn (Oil Majors) đáp ứng yêu cầu khai thác trên thị trường quốc tế.
- Tổ chức sửa chữa trung gian (IS) tàu Việt Gas đảm bảo tiến độ, tiết kiệm chi phí và phù hợp với tình hình khai thác.
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý điều hành, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng để bổ sung nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị.
- Quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, đảm bảo không để phát sinh công nợ khó đòi, không để phát sinh những khoản nợ xấu.
- Xây dựng cơ chế lương thưởng phù hợp, linh hoạt nhằm tạo sự công bằng và thu hút nhân sự giỏi, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.
- Tham gia công tác an sinh xã hội do Tập đoàn và Tổng Công ty phát động.

II. Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

1. Kế hoạch tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Stt | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2020 | Trong đó | | | | Trong đó: Doanh thu nội bộ |
|-----|------------------------|-------------------|----------|---------|---------|---------|----------------------------|
| | | | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV | |
| | Vốn điều lệ | 560.000 | 360.000 | 360.000 | 360.000 | 560.000 | |
| | Tỷ lệ tham gia của TCT | 67.74% | 67.74% | 67.74% | 67.74% | 67.74% | |

| | | | | | | | |
|------------|--------------------------------|------------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| I | Tổng doanh thu | 1.250.000 | 312.740 | 311.470 | 313.740 | 312.050 | 137.950 |
| 1 | Từ dịch vụ vận tải | 587.130 | 146.660 | 145.390 | 148.220 | 146.860 | 137.950 |
| 2 | Từ dịch vụ thương mại | 653.280 | 163.320 | 163.320 | 163.320 | 163.320 | |
| 3 | Từ hoạt động tài chính | 9.590 | 2.760 | 2.760 | 2.200 | 1.870 | |
| II | Tổng chi phí | 1.184.000 | 295.810 | 296.610 | 295.990 | 295.600 | |
| 1 | Giá vốn hàng bán | 1.116.670 | 278.910 | 278.860 | 279.510 | 279.390 | |
| 1.1 | Dịch vụ vận tải | 465.030 | 116.000 | 115.950 | 116.600 | 116.480 | |
| 1.2 | Dịch vụ thương mại | 651.640 | 162.910 | 162.910 | 162.910 | 162.910 | |
| 2 | Chi phí hoạt động tài chính | 19.240 | 5.170 | 4.930 | 4.690 | 4.450 | |
| 3 | Chi phí bán hàng | 9.040 | 2.260 | 2.260 | 2.260 | 2.260 | |
| 4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 39.050 | 9.470 | 10.550 | 9.530 | 9.500 | |
| III | Lợi nhuận trước thuế | 66.000 | 16.930 | 14.870 | 17.750 | 16.450 | |
| IV | Lợi nhuận sau thuế | 52.800 | 13.544 | 11.896 | 14.200 | 13.160 | |
| V | Các khoản phải nộp NSNN | 31.310 | 8.300 | 7.760 | 8.580 | 6.670 | |

2. Kế hoạch đầu tư tài sản cố định:

Tổ chức đầu tư 01 tàu VLGC có sức chở khoảng 75.000 - 85.000 CBM theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo hiệu quả đầu tư và sử dụng vốn, phù hợp với danh mục đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: triệu USD

| Stt | Tên dự án | Kế hoạch 2020 | Trong đó: | | | |
|-----------|---|------------------|-----------|--------|---------|--------------|
| | | | Quý I | Quý II | Quý III | Quý IV |
| I | Đầu tư tài sản cố định: | 41.73 | - | - | - | 41.73 |
| 1 | Đầu tư 01 tàu vận chuyển VLGC có sức chở khoảng 75.000 - 85.000 CBM | 41.73 | - | - | - | 41.73 |
| II | Nguồn vốn: | 41.73 | - | - | - | 41.73 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu | 13.03 | - | - | - | 13.03 |
| 2 | Vốn vay + khác | 28.70 | - | - | - | 28.70 |

